

Bản án số: 25/2025/HS-PT

Ngày: 24 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 114/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2024/HSST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Ngọc L, tên gọi khác: không; sinh ngày 08 tháng 4 năm 1993 tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Tổ G, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đức T; con bà Nguyễn Thị Thúy H; có chồng là: Dương Đình Đức T1; có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 04/01/2021 Trần Thị N ký hợp đồng lao động là nhân viên kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH M) Home Credit (gọi tắt là SA) được giao làm việc tại khu vực thị trấn Đ, huyện P. Tháng

09/2021, Trần Thị N được tuyển dụng đến làm việc tại Trường THPT N1, huyện Đ, Thái Nguyên. Khi đó, N chưa xin nghỉ việc ở Công ty H, nên vẫn muốn hoàn thành chỉ tiêu tháng 9 năm 2021 được Công ty H giao, N cung cấp mã nhân viên (còn gọi là mã C2, mỗi nhân viên có 01 mã khác nhau) mã nhân viên của N là H00046910 cho Trần Thị Ngọc L (là nhân viên kinh doanh của H địa bàn thành phố T) nhờ L lập các hồ sơ kinh doanh thay cho N trên địa bàn huyện P, để tính chỉ tiêu cho N.

Sau khi có mã code của N, L nảy sinh ý định lập các hồ sơ hợp đồng tín dụng sử dụng Face ID (ảnh chụp gương mặt khách hàng bằng app của Home C) nhưng thông tin cá nhân của những người này, không trùng khớp với ảnh chân dung để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty H. Cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất:

Ngày 09/9/2021: L đến phòng tập Boss B địa chỉ tại phường P, thành phố T, thì gặp Hoàng Anh T2, sinh năm 2002, trú tại xóm L, xã Đ, huyện P, Thái Nguyên. L nhờ T2 để L chụp ảnh chân dung của T2 bằng camera của A được cài đặt trên điện thoại của L. T2 không biết mục đích của L nhưng đồng ý cho chụp. Sau đó, L lấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của người có tên Dương Quang T3; sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996, địa chỉ tại xã B, huyện P, Bắc Kạn. (Giấy tờ của anh T3 được lưu sẵn trong Album ảnh của điện thoại L, do L thu thập của các Công ty tài chính khác). Tiếp đó, L tiến hành lập hợp đồng tín dụng số 4103599617 giữa Công ty T với người có tên là Dương Quang T3; sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996, địa chỉ tại xã B, huyện P, Bắc Kạn. Anh T3 và T2 không biết tình tiết trên. Hợp đồng này thể hiện việc anh T3 mua 01 chiếc điện thoại di động trả góp tại cửa hàng điện thoại di động Vũ Huân địa chỉ tại: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với số tiền anh T3 phải trả góp là 21.628.000 đồng, trong đó 21.000.000 đồng là tiền khách phải trả do mua điện thoại còn nợ lại 628.000 đồng tiền phí bảo hiểm bắt buộc (phí bảo hiểm mua sản phẩm - gói an tâm tài chính). Thực tế, không có việc anh T3 mua điện thoại ở cửa hàng điện thoại V.

Lần thứ hai: Với thủ đoạn tương tự ngày 10/9/2021, Trần Thị Ngọc L lập 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

+ L đến phòng tập Boss B địa chỉ tại phường P, thành phố T chơi thì gặp Nguyễn Duy C1, sinh năm 2002, trú tại tổ E, phường T, TP. và anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 2002, trú tại xóm C, xã Đ, huyện P, Thái Nguyên. L đã nhờ C1 và T4 để L chụp ảnh chân dung của C1 và T4 bằng camera của A được cài đặt trên điện thoại của L.

Sau đó, L lấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của người có tên là Đào Đình T5; sinh ngày 22 tháng 10 năm 1984, địa chỉ tại xã X, huyện T, Nghệ An để gắn với ảnh chân dung của anh C1 để lập hợp đồng tín dụng số 4103600417 giữa Công ty T với người có tên là Đào Đình T5. Hợp đồng này thể hiện việc anh T5 mua 01 chiếc điện thoại di động trả góp tại cửa hàng điện thoại di động Vũ Huân địa chỉ tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên,

với số tiền anh T5 phải trả là 14.116.000 đồng (bao gồm tiền mua điện thoại là 11.600.000đ; tiền phí bảo hiểm là 2.516.000đ).

L lấy giấy tờ của người có tên Trần Anh D; sinh ngày 29 tháng 06 năm 1994, địa chỉ tại xã P, huyện Đ, Thái Nguyên gắn với ảnh chân dung của anh T4 để lập hợp đồng tín dụng số 4103601368 giữa Công ty T với người có tên là Trần Anh D. Hợp đồng tín dụng này thể hiện việc anh D mua 01 chiếc điện thoại di động trả góp tại cửa hàng điện thoại di động Vũ Huấn địa chỉ tại: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, với số tiền anh D còn nợ phải trả là 20.598.000 đồng (bao gồm cả phí bảo hiểm mua sản phẩm - gói an tâm tài chính).

Trên thực tế, anh Đào Đình T5 và anh Trần Anh D không biết về 02 hợp đồng tín dụng này.

+ Buổi tối ngày 10/09/2021, L đang ở điện máy HC tại phường H, thành phố T thì Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1994, trú tại tổ A, phường P, TP . đến gặp và đặt vấn đề làm thủ tục vay tiền của Home C. L đã chụp ảnh chân dung của T6 này bằng camera của A được cài đặt trên điện thoại của L. (L chụp ảnh của T6 ở bên trong siêu thị Đ1). Sau đó, L lấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của người có tên là Vũ Hùng A, sinh năm 1992, trú tại xóm A, xã Q, TP . gắn với ảnh chân dung của anh Nguyễn Thanh T6. Nhưng T6 không hề biết việc làm này của L. Trong hợp đồng tín dụng số 4103607876 thể hiện việc anh Vũ Hùng A mua 01 chiếc điện thoại di động trả góp tại cửa hàng điện thoại di động Vũ H2, địa chỉ tại: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với số tiền anh Vũ Hùng A phải trả là 23.070.000 đồng. (Giấy tờ của anh Vũ Hùng A, được L lưu sẵn trong Album ảnh của điện thoại của L). Sau đó L nói T6 là hợp đồng của T6 không được phê duyệt. T6 không hề biết L đã sử dụng hình ảnh của T6 để lập hợp đồng tín dụng với Công ty T mang tên Vũ Hùng A.

Lần thứ ba: Ngày 11/09/2021, L đang ở điện máy HC thì Phạm Xuân H1, sinh năm 1999, trú tại tổ A, phường T, TP . đến gặp và đặt vấn đề làm thủ tục vay tiền của Home C. L đã chụp ảnh chân dung của H1 này bằng camera của A được cài đặt trên điện thoại của L. (L chụp ảnh của H1 ở bên trong siêu thị Đ1). Sau đó, L lấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của người có tên là Lương Nam G; sinh ngày 16/08/1995, địa chỉ tại thị trấn. Đu, huyện P, Thái Nguyên gắn với ảnh chân dung của anh Phạm Xuân H1. Nhưng H1 không biết việc làm này của L. Trong hợp đồng tín dụng số 4103615694 thể hiện việc anh Lương Nam G mua 01 chiếc điện thoại di động trả góp tại cửa hàng điện thoại di động Vũ H2, địa chỉ tại: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với số tiền anh Lương Nam G phải trả là 23.070.000 đồng. (Giấy tờ của anh Lương Nam G, được L chụp và lưu sẵn trong Album ảnh của điện thoại của L). L bảo anh H1 là hợp đồng của H1 không được phê duyệt. H1 không biết L đã sử dụng hình ảnh của H1 để lập hợp đồng tín dụng với Công ty T mang tên Lương Nam G.

Lần thứ tư: Ngày 12/9/2021 Trần Thị Ngọc L đã hướng dẫn cho bạn mình là Trần Thị L, sinh năm 1994, nơi cư trú: CT B, khu đô thị V, phường G, quận L, thành phố Hà Nội tải App của Home C về điện thoại của Trần Thị L rồi gửi

cho Trần Thị L mã C2 của chị N để Trần Thị L đăng nhập vào A. L bảo Trần Thị L chụp ảnh chân dung của L bằng camera của A được cài đặt trên điện thoại của L. Sau đó, Ngọc L đã lấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của người có tên Âu Thị Hiền L1; sinh ngày 28 tháng 05 năm 1993, địa chỉ tại xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên để lập hợp đồng tín dụng số 4103626563 giữa Công ty T với người có tên là Âu Thị Hiền L1 nhưng gắn ảnh chân dung của Trần Thị L. Hợp đồng này thể hiện việc chị L1 mua 01 chiếc điện thoại di động trả góp tại cửa hàng điện thoại di động Vũ H2, địa chỉ tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với số tiền chị L1 còn nợ phải trả là 20.598.000 đồng (bao gồm cả phí bảo hiểm mua sản phẩm - gói an tâm tài chính). (Giấy tờ của chị Lương L2 đã chụp và lưu sẵn trong Album ảnh của điện thoại của L2). Trên thực tế, chị L1 và Trần Thị L không biết gì hợp đồng này.

Sau khi lập 06 hợp đồng tín dụng trên, Trần Thị Ngọc L đã thông báo cho Trần Thị N biết để N liên hệ với anh Vũ Trọng H2 chủ cửa hàng điện thoại để xác nhận việc lập 06 hợp đồng mua điện thoại trả góp điện thoại tại cửa hàng Đ2, mục đích để Công ty T giải ngân tiền về đó. Ngày 10/9/2021 và ngày 13/9/2021 công ty T đã chuyển tiền đến số tài khoản của anh H2 số tiền lần lượt là 41.000.000 đồng và 76.400.000 đồng ứng với 06 hợp đồng mua điện thoại trả góp do L lập, với tổng số tiền là 117.400.000 đồng.

Sau khi nhận được số tiền giải ngân của công ty T, ngày 10/09/2021, anh H2 đã chuyển số tiền 41.000.000đ đến số tài khoản của Trần Thị Ngọc L. Ngày 13/09/2021, anh H2 chuyển số tiền 76.400.000đ đến số tài khoản của Trần Anh Đ, sinh 17/6/1995 trú tại: tổ B, phường G, TP T. Sau đó, Đ đã chuyển toàn bộ số tiền này cho L.

Tổng số tiền Trần Thị Ngọc L chiếm đoạt được của công ty T là 117.400.000 đồng, L đã cho Trần Thị N 6.000.000đ; cho Trần Thị L 9.500.000đ, gồm 6.000.000đ cho Trần Thị L tiền công đã chụp ảnh chân dung gửi cho L và 3.500.000đ L trả nợ đã vay của Trần Thị L, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Duy C1, Nguyễn Văn T4, Phạm Xuân H1, Hoàng Anh T2 không được L cho tiền. Số tiền còn lại là 101.900.000đ L sử dụng hết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Trần Thị N và Trần Thị L sau khi biết số tiền Trần Thị Ngọc L cho mình do phạm tội mà có, ngày 21/02/2024 chị Trần Thị N đã trả lại cho Trần Thị Ngọc L số tiền 6.000.000đ; ngày 08/4/2024 Trần Thị L đã trả lại, cho Trần Thị Ngọc L số tiền 9.500.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Duy C1, Nguyễn Văn T4, Phạm Xuân H1, Hoàng Anh T2 và Trần Thị L đều khẳng định ảnh chân dung trong các hợp đồng tín dụng của Công ty T do Trần Thị Ngọc L lập là ảnh chân dung của họ nhưng thông tin địa chỉ cá nhân dùng để lập hợp đồng là của người khác (Dương Quang T3, Trần Anh D, Vũ Hùng A, Đào Đình T5, L, Âu Thị Hiền L1). Song cả 06 người trên đều không biết, Trần Thị Ngọc L đã sử dụng ảnh chân dung của họ để lập hồ sơ tín dụng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty T.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty T yêu cầu Trần Thị Ngọc L bồi thường số tiền 139.165.886đ gồm tiền chiếm đoạt từ 06 hợp đồng là 117.400.000đ; tiền phí

bảo hiểm của 06 hợp đồng 5.680.000đ tiền; tiền lãi của 06 hợp đồng là 16.085.886đ. L đã bồi thường được 50.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc L phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Thị Ngọc L 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2024, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phần kết luận tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho đơn vị bị hại, bị cáo có ông, bà nội, ngoại được Nhà nước tặng thưởng H3, Huy chương kháng chiến, vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện đang nuôi con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc L gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo có ông, bà được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc L; sửa bản án sơ thẩm số 50/2024/HSST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Thị Ngọc L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Trần Thị Ngọc L cho Ủy ban nhân dân phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho Công ty T số tiền 10.000.000 đồng (theo giấy nộp tiền số 54001, ngày 07/02/2025) và đã nộp số tiền bồi thường là 79.165.886 đồng, tại biên lai thu tiền số: 0002233, ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chi cục THADS huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lên phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị Ngọc L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 50/2024/HSST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuân